

Số: 131/2024/QĐ-PQTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Quốc Đạt

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 80/2024/TLST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2024 về yêu cầu “Hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 7004/2024/QĐST-KDTM ngày 24/5/2024, Quyết định tạm ngừng phiên họp số 8602/2024/QĐST-KDTM ngày 17/6/2024, giữa các đương sự:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Công ty Cổ phần T6;

Địa chỉ: G Đường B, khu đô thị S, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T6:* Bà Nguyễn Thị Thanh T.

*Ủy quyền hợp pháp cho:*

1/ Bà Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1983 (Có mặt).

2/ Bà Lưu Thị Khánh V, sinh năm 1974 (Có mặt).

3/ Bà Đỗ Thị Tứ P, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: G Đường B, Khu đô thị S, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Giấy ủy quyền số 214/2024/TLM ngày 15/3/2024).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần T6:*

Ông Lê Đình A - Đoàn Luật sư Thành phố H hành nghề tại Văn phòng luật sư Hoàng Đại T2 và Cộng sự; Địa chỉ: Số C N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (Có mặt).

*Người có liên quan:* Công ty TNHH B

Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà N, số A N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B: Ông Lê Khắc Đ.*

*Ủy quyền hợp pháp cho:*

1/ Bà Nguyễn Lê Tú U, sinh năm 1993 (Có mặt).

2/ Ông Lưu Q, sinh năm 1988 (Có mặt ngày 27/6/2024)

3/ Bà Văn Thị Phương T3, sinh năm 1997 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà N, số A N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Công ty L;

Địa chỉ: Số D - 458 (Tầng T - G01) H, phường T, Quận A, Thành H

*(Theo Giấy ủy quyền ngày 19/01/2024):*

Công ty L ủy quyền lại cho:

- Bà Lê Thanh T4, sinh năm 1999 (Có mặt).

- Bà Lữ Thị Yên N, sinh năm 2001 (Có mặt).

*(Theo Giấy ủy quyền ngày 22/01/2024).*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH B: Bà Hồ Thị T5 - Đoàn Luật sư Thành phố H hành nghề tại Công ty L; Địa chỉ: Số D - D (Tầng T - G01) H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).*

## **NỘI DUNG VỤ VIỆC:**

### **Nội dung tranh chấp:**

*1/ Theo Công ty TNHH B trình bày:*

Ngày 30/6/2022, Công ty Cổ phần T6 (Viết tắt Công ty T6) và Công ty TNHH B (viết tắt Công ty B) ký kết Hợp đồng dịch vụ số 0506/2022/HDDV/BCM-TLM (viết tắt Hợp Đồng 0506), theo đó Công ty B đồng ý cung cấp dịch vụ “Làm mới thương hiệu của TLM và thương hiệu của Dự án khu dân cư” tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai, với giá trị hợp đồng là 2.852.080.000 đồng (đã bao gồm VAT).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T6 thanh toán chi phí dịch vụ đợt 1 là 1.140.832.000 đồng. Sau đó vì kế hoạch của Công ty T6 bị thay đổi kéo dài thời gian ra mắt dự án nên các bên thỏa thuận gia hạn hợp đồng đến ngày 30/9/2022 và gia hạn tiếp đến ngày 04/10/2022.

Ngày 23/11/2022, Công ty T6 có Văn bản số 06/2022/CV-TLM thông báo chấm dứt Hợp đồng.

Ngày 15/12/2022, Công ty B có Văn bản số 02/2022/CV-BCM-TLM phúc đáp văn bản số 06/2022/CV-TLM.

Ngày 06/01/2023, các Bên tổ chức cuộc họp để giải quyết các vấn đề phát sinh từ Hợp đồng.

Ngày 28/4/2023, Công ty B có Thông báo số 280423/TB/BCM-TLM yêu cầu Công ty T6 thanh toán số tiền 999.152.000 VNĐ.

Tại Điều 11 của Hợp Đồng 0506 có thỏa thuận trường hợp các bên không thể giải quyết bằng thương lượng thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra Trung tâm T7 (V1).

Do Công ty T6 không thanh toán, ngày 25/8/2023 Công ty B đã khởi kiện đến Trung tâm T7 yêu cầu Công ty T6 thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 999.152.000 VNĐ; Tiền lãi do chậm thanh toán phí dịch vụ (tạm tính đến ngày 08/8/2023) là 97.561.034 VNĐ; Tiền phạt vi phạm hợp đồng (tạm tính đến ngày 08/8/2023) là 55.353.021 VNĐ; Chi phí pháp lý là 52.920.000 VNĐ và chi phí trọng tài theo quyết định của Hội đồng Trọng tài.

*2/ Theo Công ty T6 trình bày:*

Việc ký kết hợp đồng và số tiền ứng đợt 1 như Công ty B trình bày.

Ngày 31/8 2022 quá hạn theo thỏa thuận Hợp đồng nhưng Công ty B vẫn chưa hoàn thiện các hạng mục của Hợp đồng.

Ngày 15/9/2022, Công ty B phát hành giấy đề nghị thanh toán đợt 2 với số tiền 1.099.347.200 VNĐ mà không cung cấp hồ sơ theo quy định điểm b Điều 4 của Hợp đồng.

Ngày 23/9/2022, Công ty T6 phát hành Văn bản số 06/2022/CV-TLM không đồng ý thanh toán và đề nghị chấm dứt Hợp đồng.

Ngày 28/4/2023, Công ty B có Văn bản số 280423/TB/BCM-TLM yêu cầu Công ty T6 thanh toán số tiền 999,152.000 VNĐ

Ngày 15/6/2023, Công ty T6 có Văn bản số 156/2023/CV-TLM không đồng ý nghiệm thu hạng mục xây dựng thương hiệu TLM, hạng mục sản xuất TVC và hạng mục thiết kế sản xuất website vì sản phẩm chưa hoàn thiện, không thể sử dụng trong thực tế,

Công ty T6 không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Công ty B vì chưa hoàn thành các hạng mục công việc, tiến độ công việc chậm so với thỏa thuận Hợp đồng.

Do Công ty B vi phạm hợp đồng, làm cho Công ty T6 không đạt được mục đích của mình trong giao kết, nên Công ty T6 không đồng ý với giá nghiệm thu trên toàn bộ hợp đồng.

Tại Đơn kiện lại ngày 08/11/2023, Công ty T6 nêu căn cứ Văn bản số 156/2023/CV-TLM của Công ty T6 chỉ đồng ý nghiệm thu khối lượng công việc mà Công ty B đã thực hiện Hợp đồng là 645.000.000 VNĐ, cộng thêm 8% thuế VAT tổng là 696.600.000 VNĐ. Do đó, Công ty T6 có đơn kiện lại yêu cầu Công ty B hoàn trả số tiền 616.670.400 VNĐ. Trong đó, số tiền Công ty B chưa hoàn thành khối lượng công việc theo thỏa thuận là 444.232.000 VNĐ (1.140.832.000 VNĐ - 696.600.000 VNĐ = 444.232.000 VNĐ); Số tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 172.438.400 VNĐ.

**Phán quyết Trọng tài số 159/23 HCM ngày 21/02/2024 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm T7 (V1) tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Công ty TNHH B, buộc Bị đơn - Công ty Cổ phần T6 có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn các khoản tiền sau:

- a) Phí dịch vụ còn nợ của Hợp đồng là 638.792.000 VNĐ;
- b) Khoản tiền lãi chậm trả là 36.227.381 VNĐ;
- c) Khoản tiền phạt vi phạm là 23.763.062 VNĐ;
- d) Khoản tiền phí luật sư là 30.164.400 VNĐ;
- e) Phí trọng tài là 54.695.049 VNĐ.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện lại của Bị đơn trong việc yêu cầu Nguyên đơn trả số tiền 616.670.400 VNĐ trong đó gồm: Trả số tiền Nguyên đơn chưa hoàn thành khối lượng công việc theo thỏa thuận là 444.232.000 VNĐ và trả số tiền phạt vi phạm Hợp đồng là 172.438.400 VNĐ.

3. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn toàn bộ khoản tiền nêu tại Phần IV Mục 1 của Phán quyết này trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày lập Phán quyết. Trong trường hợp chậm thanh toán, Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán thêm tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm.

Không đồng ý với Phán quyết của Trọng tài, ngày 18/3/2024 Công ty T6 gửi đơn yêu cầu đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện yêu cầu xem xét huỷ Phán quyết Trọng tài số 159/23 HCM ngày 21/02/2024 của VIAC với lý do như sau:

- Hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại.

Trọng tài viên phải tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.”

Do không thống nhất về tỷ lệ hoàn thành của sản phẩm nên các bên đang thương lượng để nghiệm thu sản phẩm. Quá trình này cần đi đến một thỏa thuận được sự đồng ý của hai bên mới hợp pháp trong việc xác định giá trị nghiệm thu. Mặc dù vậy Hội đồng trọng tài chỉ dựa vào văn bản của Công ty B để xác định giá trị nghiệm thu khi chưa có biên bản thống nhất giữa hai bên về thỏa thuận khối lượng công việc và thời gian thực hiện công việc đợt 2 được hai bên đồng ý, thỏa thuận nghiệm thu là không tôn trọng thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng.

Ngày 21/06/2023 Công ty B phát hành văn bản số 210623/TB/BCM-TLM, đến ngày 23/06/2023 Công ty T6 nhận được văn bản này. Ngày 29/06/2023 Công ty T6. Như vậy, Công ty T6 đã phản hồi trong thời hạn 7 ngày. Mặc dù công ty T6 đã phản hồi đúng thời hạn và đầy đủ nội dung nhưng Hội đồng trọng tài nhận định “Bị đơn đã nhận được Biên bản nghiệm thu từ Nguyên đơn, nhưng Bị đơn không phản hồi đúng thời hạn quy định tại Điều 5.5 Hợp đồng”. Từ nhận định này Hội đồng trọng tài đã chốt lại ngày Công ty T6 vi phạm Hợp đồng và

tính lãi chậm thanh toán từ 01/07/2023. Đây là sai lầm nghiêm trọng trong tố tụng trọng tài, sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ dẫn đến bỏ sót chứng cứ quan trọng làm cho kết quả giải quyết vụ án sai lệch với bản chất của tranh chấp.

Vấn đề lớn nhất của Hợp đồng này chính là các bên không có tiêu chí để đánh giá tỷ lệ sản phẩm hoàn thành. Các bên không thống nhất được với nhau về tỷ lệ hoàn thành của từng hạng mục thì phải dùng đơn vị chuyên môn độc lập để giám định mới có căn cứ để xác định tỷ lệ hoàn thành của sản phẩm, thông qua đó xác định giá trị phải thanh toán của Hợp đồng. Ngoài ra, sản phẩm của Hợp đồng là sản phẩm trí tuệ, phải đảm bảo được việc đăng ký bản quyền, đơn vị là gói, sản phẩm cần phải được hoàn thiện đầy đủ thì Công ty T6 mới có thể sử dụng được trên thực tế. Đúng ra, để có cơ sở đầy đủ và khách quan giải quyết tranh chấp, Hội đồng trọng tài cần phải cho thực hiện thủ tục giám định để xác định tỷ lệ hoàn thành của sản phẩm và xác định giá trị của các sản phẩm trên thực tế thực hiện mới ra được kết quả cụ thể để phán quyết.

Do đó, Công ty T6 cho rằng Hội đồng trọng tài đã vi phạm quy định Điều 46 Luật Trọng tài thương mại về thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Phán quyết trọng tài áp dụng pháp luật không đúng trong việc tính lãi chậm thanh toán số tiền 36.227.381 đồng tính từ ngày 01/07/2023.

Hội đồng trọng tài áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định nghĩa vụ trả lãi do chậm thanh toán phí dịch vụ và áp dụng lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%. Đúng ra phải tính lãi theo Điều 306 Luật thương mại.

Hội đồng trọng tài đã vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại do đó Công ty T6 đề nghị hủy Phán quyết số 159/23 HCM ngày 21/02/2024 theo điểm đ Khoản 1 Điều 68 Luật trọng tài thương mại: "đ) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam".

Tại phiên họp, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

*\* Người có liên quan Công ty B trình bày:*

Phán quyết Trọng tài số 159/23 HCM ngày 21/02/2024 đã được Trung tâm T7 tiến hành thực hiện các thủ tục tiếp nhận, thụ lý, quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, áp dụng pháp luật đúng theo các quy định của pháp luật. Nội dung của Phán quyết Trọng tài số 159/23 HCM ngày 21/02/2024 hoàn toàn đúng theo quy định, không vi phạm Khoản 1 Điều 4, điểm đ Khoản 1 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại. Do đó Công ty B không đồng ý hủy Phán quyết Trọng tài.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Phiên họp đã tiến hành đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét đơn căn cứ khoản 2 Điều 68, khoản 5 Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại; Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T6 về việc hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số VIAC 159/23 HCM ngày 21/02/2024 của V1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc được thẩm tra tại phiên họp; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét đơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng Trọng tài tuyên Phán quyết Trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm o khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm g Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thời hiệu nộp đơn yêu cầu: Ngày 21/02/2024 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ kiện số A1 (sau đây gọi tắt là Phán quyết Trọng tài). Ngày 18/3/2024 Công ty T6 nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Phán quyết Trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[2] Về nội dung: Xét lý do trong đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của người yêu cầu là Công ty T6, căn cứ các tài liệu chứng cứ đính kèm tại đơn yêu cầu và lời trình bày của các bên tại phiên họp, Hội đồng xét đơn nhận thấy:

*[2.1] Đối với ý kiến cho rằng Hội đồng trọng tài đã vi phạm nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại 2010, theo đó Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thoả thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội:*

Theo Công ty T6, căn cứ theo điểm b Điều 4 Hợp đồng, nghĩa vụ thanh toán của Công ty T6 chỉ phát sinh khi Công ty B cung cấp đầy đủ các chứng từ sau: Đề nghị thanh toán; Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ; Biên bản xác nhận hoàn thành khối lượng công việc tương ứng của Đợt 1; Hồ sơ bàn giao sản phẩm đợt 1; Thỏa thuận khối lượng công việc đợt 2 được 02 bên đồng ý. Công ty T6 cho rằng từ khi ký Hợp đồng cho đến khi tranh chấp Công ty T6 không đồng ý ký bất kỳ biên bản nghiệm thu hay biên bản xác nhận hoàn thành khối lượng công việc nào với Công ty B và Công ty B cũng không thể cung cấp biên bản nghiệm

thu theo thỏa thuận và Công ty B cũng chưa hoàn thành khối lượng công việc theo Hợp đồng. Như vậy, Hội đồng trọng tài chỉ dựa trên các lập luận đơn phương của Công ty B để ban hành Phán quyết mà không tôn trọng, xem xét đến thỏa thuận của hai bên theo Hợp đồng.

Đối với lý do này, tại khoản 49 của Phán quyết, Hội đồng trọng tài nhận định: Công ty B đã gửi các chứng từ thanh toán cho TLM như quy định tại Điều 4 của Hợp đồng, Công ty T6 đã nhận được biên bản nghiệm thu từ Công ty BCM nhưng Công ty T6 không phản hồi đúng thời hạn quy định tại Điều 5.5 của Hợp đồng. Do vậy, theo quy định của Hợp đồng, Công ty T6 được coi là đồng ý với Biên bản nghiệm thu. Do đó, việc Công ty T6 từ chối nghiệm thu và từ chối thanh toán là không phù hợp với quy định hợp đồng.

Hội đồng xét đơn nhận thấy yêu cầu này thuộc về việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng trọng tài và thuộc về nội dung tranh chấp theo quy định tại khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại nên không xem xét.

*[2.2] Đối với ý kiến cho rằng Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc độc lập, khách quan và vô tư khi giải quyết tranh chấp theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại:*

Hội đồng trọng tài đã không xem xét một cách khách quan các sự kiện thực tế trong quá trình thực hiện Hợp đồng của hai bên. Cụ thể, các lập luận của Công ty T6 được trình bày tại phiên họp giải quyết tranh chấp ngày 23/01/2024 đã không được ghi nhận và đánh giá đầy đủ. Đối với lý do này, người yêu cầu trình bày nhưng không chứng minh được Hội đồng trọng tài đã không khách quan nên không có cơ sở để xem xét.

*[2.3] Đối với ý kiến cho rằng Hội đồng Trọng tài không yêu cầu thu thập chứng cứ quan trọng, cần thiết, có sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ dẫn đến bỏ sót chứng cứ quan trọng làm cho kết quả giải quyết vụ án sai lệch với bản chất của tranh chấp:*

Công ty T6 cho rằng Hội đồng Trọng tài đã không xem xét đến chứng cứ rất quan trọng là Văn bản số 07/2022/CV-TLM ngày 23/12/2022 của Công ty T6. Theo Công ty T6 đây là chứng cứ quan trọng nhằm chứng minh tính đến thời điểm phát sinh tranh chấp, Công ty T6 hoàn toàn không phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B.

Tại Phán quyết trọng tài, Hội đồng Trọng tài nhận định: “*Công ty B đã cung cấp đủ các chứng từ thanh toán cho Công ty T6 như quy định tại Điều 4 Hợp đồng, Công ty T6 đã nhận được Biên bản nghiệm thu từ Công ty B nhưng đã không phản hồi đúng thời hạn quy định theo Điều 5.5 Hợp đồng, do đó Công ty TLM được coi là đồng ý với Biên bản nghiệm thu. Do đó, việc Công ty T6 từ chối nghiệm thu và thanh toán là không phù hợp với quy định của Hợp đồng*”. Đồng thời, tại Phán quyết trọng tài nhận định: “*Qua trao đổi thư điện tử Công ty T6 cũng thừa nhận Công ty BCM hoàn thành hạn mục công việc*”. Như vậy, đối với lý do này Hội đồng Trọng tài đã phân tích và nhận định đầy đủ các tài liệu, chứng cứ mà các bên đã cung cấp nên đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công ty T6 cho rằng Hội đồng trọng tài cần phải cho thực hiện thủ tục giám định để xác định tỷ lệ hoàn thành của sản phẩm và xác định giá trị của các sản phẩm trên thực tế thực hiện mới ra được kết quả cụ thể để phán quyết.

Căn cứ khoản 1 Điều 46 Luật Trọng tài thương mại thì các bên có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Hội đồng trọng tài, do đó bằng các tài liệu chứng cứ các bên cung cấp Hội đồng trọng tài xem xét giải quyết, trong trường hợp Công ty T6 thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ từ đơn vị giám định để xác định tỷ lệ hoàn thành thì Công ty T6 phải yêu cầu Hội đồng Trọng tài trung cầu giám định (không bắt buộc Hội đồng trọng tài phải trung cầu giám định). Do đó, việc Công ty T6 cho rằng Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc xem xét, đánh giá chứng cứ theo Điều 46 Luật Trọng tài thương mại là không có cơ sở để chấp nhận.

*[2.4] Đối với ý kiến cho rằng Hội đồng trọng tài áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định nghĩa vụ trả lãi do chậm thanh toán phí dịch vụ và áp dụng lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10% là áp dụng pháp luật không đúng mà phải tính lãi theo Điều 306 Luật thương mại:*

Hội đồng xét đơn nhận thấy do các bên thực hiện hợp đồng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh thương mại nên phải áp dụng Điều 306 Luật thương mại để tính tiền lãi do chậm thanh toán như luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T6 trình bày, Hội đồng trọng tài áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa chính xác. Tuy nhiên, căn cứ vào mức lãi suất trung, dài hạn của Ngân hàng TMCP C cung cấp ngày 25/7/2023 là 12,50%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 18,75%/năm; Ngân hàng TMCP N1 cung cấp ngày 20/7/2023 là 10,50%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 15,75%/năm; Ngân hàng N2 cung cấp ngày 31/7/2023 là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 15%/năm. Vậy lãi suất trung bình của 03 ngân hàng trên là 16,5%/năm. Hội đồng trọng tài tính lãi chậm trả 10%/năm là thấp hơn lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là có lợi cho Công ty T6 do đó Hội đồng xét đơn không xem xét lại việc áp dụng pháp luật theo quy định Điều 306 Luật thương mại.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp có ý kiến: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của Công ty T6 về việc hủy Phán quyết Trọng tài. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[4] Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp của Công ty T6 phải chịu lệ phí Tòa án, tuy nhiên trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, Công ty T6 không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự;



Căn cứ Điều 68, Khoản 5 Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần T6 về việc Hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 159/23 HCM lập ngày 21/02/2024 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm T7 (V1) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- Trung tâm Trọng tài Quốc tế VN (VIAC);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Hoàng Thị Bích Thảo**



### **HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm Phán**

**Chủ tọa phiên họp**

**Đỗ Quốc Đạt**

**Ngô Thị Phúc Hảo**

**Hoàng Thị Bích Thảo**